

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024
quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11/12/2025, nhiệm vụ được giao tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 10/2026/NQ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ về việc tiếp tục áp dụng văn bản chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, căn cứ quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư (Nghị định thay thế Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV đề ra nhiệm vụ trọng tâm như sau: *“Tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm sự đồng bộ, hài hòa giữa tăng trưởng và phát triển...”*.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đề ra quan điểm: *“Xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, đứng trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam, tiếp thu có chọn lọc giá trị tinh hoa của nhân loại, bảo đảm tính hệ thống, nắm bắt mọi cơ hội, mở đường, khơi thông mọi nguồn lực, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho phát triển, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “hai con số...”*.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đề ra nhiệm vụ, giải pháp: *“Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”*.

- Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng

hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 đề ra nhiệm vụ, giải pháp: *“Xây dựng thể chế, chính sách ưu đãi vượt trội, cạnh tranh quốc tế tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi thu hút các dự án lớn, trọng điểm quốc gia, dự án công nghệ cao..., thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia đầu tư, đặt trụ sở và thành lập các trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D)...”*.

2. Cơ sở pháp lý

- Tại Điều 5 Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023, Quốc hội giao Chính phủ trong năm 2024 xây dựng dự thảo Nghị định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi ban hành. Theo đó, ngày 31/12/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 182/2024/NĐ-CP quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư (có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành) áp dụng từ năm tài chính 2024 để thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cấp và các nguồn hợp pháp khác để hỗ trợ doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghệ cao.

- Ngày 11/12/2025, Quốc hội thông qua Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 và có hiệu lực từ ngày 01/3/2026, theo đó khoản 2 Điều 16 quy định: *“Chính phủ quy định chi tiết mô hình hoạt động, địa vị pháp lý, nguồn ngân sách cấp hằng năm và bổ sung cho Quỹ, hình thức hỗ trợ, cơ chế bồi hoàn hỗ trợ và các chính sách đặc thù khác của Quỹ, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi ban hành”*.

- Ngày 10/3/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 10/2026/NQ-CP về việc tiếp tục áp dụng văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 10/2026/NQ-CP quy định: Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan có liên quan xây dựng, trình Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các văn bản trong Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết này, trong đó có Nghị định số 182/2024/NĐ-CP.

3. Cơ sở thực tiễn

- Nghị định số 182/2024/NĐ-CP được ban hành năm 2024 đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để triển khai hoạt động của Quỹ Hỗ trợ đầu tư, bước đầu phát huy hiệu quả trong việc thu hút các tập đoàn đa quốc gia, khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng đầu tư vào các ngành, lĩnh vực công nghệ cao như: chip, bán dẫn, R&D,...; đồng thời từng bước hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chính sách ưu đãi đầu tư, đáp ứng yêu cầu giữ chân các nhà đầu tư chiến lược trong bối cảnh áp dụng chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

- Tuy nhiên, chính sách hỗ trợ đầu tư qua Quỹ Hỗ trợ đầu tư là hình thức ưu đãi hỗ trợ mới, lần đầu tiên triển khai tại Việt Nam, chưa có tiền lệ, do đó trong quá trình tổ chức thực hiện Quỹ đã bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc về hạng mục hỗ

trợ chi phí; trình tự, thủ tục đánh giá; quy trình giao dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước ... Ngoài ra, thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của các bộ, ngành, dự thảo Nghị định cần sửa đổi, cập nhật tên gọi các cơ quan liên quan cho phù hợp.

- Đồng thời ngày 10/12/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026, trong đó các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi và cơ chế đặc thù có sự thay đổi so với Luật Công nghệ cao năm 2008. Do đó, đối tượng được hưởng hỗ trợ chi phí theo quy định tại Nghị định số 182/2024/NĐ-CP cần được cập nhật theo quy định mới của pháp luật về công nghệ cao.

- Bối cảnh quốc tế và khu vực đang diễn ra những chuyển biến sâu sắc, phức tạp khó lường, quá trình tái cấu trúc chuỗi cung ứng, dịch chuyển đầu tư theo hướng đa dạng hóa địa bàn sản xuất, phát triển công nghệ chiến lược, xu hướng áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu và yêu cầu ngày càng cao về an ninh kinh tế đang làm thay đổi căn bản phương thức cạnh tranh trong thu hút đầu tư quốc tế. Cạnh tranh giữa các quốc gia không còn chủ yếu dựa vào chi phí thấp và ưu đãi đầu vào, mà ngày càng dựa vào chất lượng thể chế, hạ tầng, nhân lực, dữ liệu, năng lực đổi mới sáng tạo và độ tin cậy chiến lược. Thời gian qua, Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; định hướng lại các dòng vốn đầu tư tập trung vào các lĩnh vực công nghệ chiến lược ưu tiên, chuyển từ thu hút vốn sang phát triển nền tảng đầu tư chiến lược quốc gia gắn với đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng. Trong bối cảnh đó, cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư cần được rà soát, điều chỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư trong bối cảnh mới.

Từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 182/2024/NĐ-CP là cần thiết để đảm bảo đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước và đáp ứng thực tiễn triển khai.

4. Về thủ tục, trình tự xây dựng dự thảo Nghị định

Bộ Tài chính đề xuất Chính phủ cho phép ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 182/2024/NĐ-CP theo trình tự, thủ tục rút gọn với 02 lý do: (i) triển khai thi hành hiệu quả Luật Đầu tư số 143/2025/QH15, bảo đảm hoạt động quản lý nhà nước không bị gián đoạn, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; (ii) đảm bảo kịp thời theo tiến độ được giao tại Nghị quyết số 10/2026/NQ-CP. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15¹, dự thảo Nghị định thuộc trường hợp được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn.

¹ “d) Trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành;...”

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

Nghị định được xây dựng trên cơ sở các quan điểm chủ đạo sau:

(1) Bảo đảm phù hợp và thống nhất với hệ thống pháp luật; quy định chi tiết các nội dung giao Chính phủ hướng dẫn tại Luật Đầu tư năm 2025; bảo đảm đồng bộ với pháp luật về công nghệ cao, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, pháp luật về thuế và pháp luật khác có liên quan, phù hợp thực tiễn, đảm bảo công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng áp dụng.

(2) Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Nhà nước và nhà đầu tư trên cơ sở không vi phạm các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, phù hợp với quy tắc của OECD và tình hình thực tiễn của Việt Nam.

(3) Kế thừa các quy định còn phù hợp của Nghị định số 182/2024/NĐ-CP; đồng thời sửa đổi, bổ sung những nội dung còn bất cập trong thực tiễn nhằm tăng cường tính minh bạch, khả thi và hiệu quả thực hiện; ứng xử bình đẳng giữa doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, hài hòa cho các đối tượng áp dụng.

(4) Thực hiện đúng quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; hạn chế tối đa việc làm phát sinh thủ tục hành chính mới; cơ cấu tổ chức tinh gọn, hiệu quả, sử dụng tối đa công chức, viên chức trong cơ quan Nhà nước.

2. Mục tiêu ban hành Nghị định

Việc xây dựng Nghị định nhằm đạt các mục tiêu chủ yếu sau:

(1) Hoàn thiện khung pháp lý đồng bộ, thống nhất liên quan đến các chính sách hỗ trợ đầu tư của nhà nước để triển khai các nội dung quy định tại Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 về Quỹ Hỗ trợ đầu tư.

(2) Kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và bất cập phát sinh trong quá trình triển khai Nghị định số 182/2024/NĐ-CP.

(3) Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, minh bạch và khả thi, nâng cao hiệu quả sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư.

(4) Đảm bảo sức cạnh tranh và hấp dẫn của môi trường đầu tư Việt Nam.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định theo trình tự như sau:

1. Bộ Tài chính xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư.

2. Lấy ý kiến bằng văn bản của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, tổ chức liên quan. Đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử

của của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức và cá nhân (Công văn số 3790/BTC-ĐTNN ngày 27/3/2026).

3. Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, tổ chức, cá nhân,... và chỉnh lý hồ sơ dự thảo Nghị định.

4. Lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (Công văn số /BTC-ĐTNN ngày / /2026).

5. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp: Ngày / /2026, Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số /BCTĐ-BTP về dự thảo Nghị định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, chỉnh lý hồ sơ dự thảo Nghị định và có Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định số /BC-BTC ngày / /2026.

6. Bộ Tài chính hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định để trình Chính phủ xem xét ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định kế thừa các nội dung quy định tại Nghị định số 182/2024/NĐ-CP, cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư (sau đây gọi tắt là Quỹ).

- Đối tượng áp dụng: Nghị định này áp dụng đối với Quỹ, các doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam đáp ứng tiêu chí và điều kiện tại Nghị định này và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ.

2. Bố cục, kết cấu của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 06 chương, 44 Điều, cụ thể như sau:

- Chương I (từ Điều 01 đến Điều 6) quy định chung gồm: phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; nguyên tắc áp dụng chính sách hỗ trợ; hoàn trả chi phí hỗ trợ đầu tư; ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí; tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí và giải quyết thủ tục liên quan đến hỗ trợ chi phí; xử lý hồ sơ giả mạo, chứng từ bất hợp pháp.

- Chương II (từ Điều 7 đến Điều 15) quy định về địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân của Quỹ; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ; cơ cấu tổ chức quản lý của Quỹ; tổ chức và quyền hạn của Hội đồng quản lý; chế độ làm việc của Hội đồng quản lý; trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản lý và Cơ quan điều hành.

- Chương III (từ Điều 16 đến Điều 25) quy định về các chính sách hỗ trợ đầu tư gồm: phương thức hỗ trợ; hạng mục chi phí hỗ trợ và đối tượng áp dụng; tiêu chí

và điều kiện hỗ trợ; hỗ trợ các chi phí đào tạo phát triển nguồn nhân lực, chi phí nghiên cứu và phát triển, chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao và chi phí đầu tư công trình hạ tầng xã hội.

- Chương IV (từ Điều 26 đến Điều 33) quy định về hồ sơ, thủ tục và nội dung đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí gồm: nguyên tắc xét duyệt; hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí; cơ quan tiếp nhận hồ sơ và nội dung đánh giá; trình tự thủ tục đánh giá; tiến độ giải ngân tiền hỗ trợ chi phí đầu tư ban đầu.

- Chương V (từ Điều 34 đến Điều 40) quy định về quản lý và giám sát tài chính gồm: nguồn tài chính của Quỹ; lập kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; quy trình thực hiện hỗ trợ chi phí; quản lý tài khoản của Quỹ tại ngân hàng thương mại; nguyên tắc quản lý tài chính, chế độ kế toán, quyết toán và chế độ báo cáo tài chính của Quỹ; kiểm tra, thanh tra, kiểm toán và giám sát hoạt động.

- Chương VI (từ Điều 41 đến Điều 44) quy định điều khoản thi hành gồm: hiệu lực thi hành; quy định chuyển tiếp; trách nhiệm của doanh nghiệp và các bộ, ngành, cơ quan địa phương.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

3.1. Các nội dung kế thừa tại Nghị định 182/2024/NĐ-CP

Dự thảo Nghị định kế thừa 17/45 Điều còn phù hợp tại Nghị định số 182/2024/NĐ-CP gồm: Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng); Điều 5 (Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí); Điều 7 (Xử lý hồ sơ giả mạo, chứng từ bất hợp pháp); Điều 10 (Cơ cấu tổ chức quản lý của Quỹ); Điều 13 (Trách nhiệm và quyền hạn của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ); Điều 15 (Phương thức hỗ trợ chi phí); Điều 23 (Hỗ trợ chi phí đầu tư công trình hạ tầng xã hội); Điều 24 (Đối tượng hỗ trợ chi phí đầu tư ban đầu); Điều 25 (Tiêu chí và điều kiện hỗ trợ chi phí đầu tư ban đầu); Điều 26 (Mức hỗ trợ chi phí đầu tư ban đầu); Điều 29 (Nội dung đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí); Điều 31 (Nội dung Quyết định hỗ trợ đầu tư); Điều 33 (Hồ sơ, trình tự, thủ tục đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí đầu tư ban đầu); Điều 34 (Tiến độ giải ngân tiền hỗ trợ chi phí đầu tư ban đầu và thực hiện cam kết của doanh nghiệp được hỗ trợ); Điều 35 (Nguồn tài chính của Quỹ); Điều 42 (Kiểm tra, thanh tra, kiểm toán và giám sát hoạt động); Điều 44 (Trách nhiệm của doanh nghiệp nhận hỗ trợ của Quỹ).

3.2. Các nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế

Qua rà soát có 28/45 Điều cần sửa đổi, bổ sung, thay thế nhằm đảm bảo phù hợp, đồng bộ, thống nhất với pháp luật về đầu tư, công nghệ cao, ngân sách nhà nước, thuế và pháp luật có liên quan; đồng thời tháo gỡ những vấn đề còn tồn tại, bất cập phát sinh trong thực tiễn.

3.2.1. Về quy định chung (Chương I):

Ban soạn thảo đã rà soát quá trình thực hiện Quỹ sau một năm thực hiện và

điều chỉnh, sửa đổi các quy định đảm bảo phù hợp với thực tiễn triển khai như sau:

- *Về nguyên tắc áp dụng chính sách hỗ trợ (Điều 3):* Dự thảo Nghị định đã bỏ nội dung quy định về “*Tiền hỗ trợ từ Quỹ không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp*” do nội dung này đã được quy định tại khoản 8 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Đồng thời, bổ sung tại khoản 10 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định: “*Doanh nghiệp tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này được hỗ trợ đầu tư đối với các chi phí thực tế phát sinh của dự án và chi nhánh hạch toán phụ thuộc phục vụ trực tiếp cho dự án đó. Chi phí của dự án bao gồm chi phí của chi nhánh hạch toán phụ thuộc phục vụ trực tiếp cho dự án được nhận hỗ trợ theo Nghị định này phải được hạch toán riêng*” do trên thực tế, có trường hợp doanh nghiệp hoạt động tại nhiều địa bàn, có chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại địa bàn khác với trụ sở chính. Việc bổ sung quy định này nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ chi phí đối với chi nhánh hạch toán phụ thuộc phát sinh tại các địa bàn không cùng địa bàn đặt trụ sở chính.

- Dự thảo Nghị định đã sửa đổi, hoàn thiện quy định về năm tài chính (khoản 6 Điều 2) do định nghĩa về năm tài chính chưa được quy định tại pháp luật về kế toán hay pháp luật về thuế. Ngoài ra, quy định về giá trị sản xuất gia tăng, tỷ lệ giá trị sản xuất gia tăng của sản phẩm công nghệ cao tại khoản 5, 6 Điều 2 chỉ áp dụng để tính toán hạng mục chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao, không phải định nghĩa áp dụng chung cho các văn bản quy phạm pháp luật khác. Theo đó, dự thảo Nghị định đã kết cấu lại 2 khoản này, đưa xuống Điều 21 để quy định cụ thể tại hạng mục chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

3.2.2. Về Quỹ Hỗ trợ đầu tư (Chương II)

Qua một năm triển khai thực hiện, cơ cấu tổ chức hoạt động của Quỹ cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động của Quỹ. Do đó, dự thảo Nghị định cơ bản kế thừa các quy định về: địa vị pháp lý, tổ chức, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ và Cơ quan điều hành Quỹ tại Nghị định số 182/2024/NĐ-CP. Ngoài ra, Ban soạn thảo cũng rà soát, điều chỉnh một số nội dung để phù hợp với thực tiễn triển khai như: **(i)** sửa đổi nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý để phù hợp với thực tiễn triển khai; **(ii)** tách các khoản 4, 5, 6, 7 Điều 11 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP thành Điều mới quy định về “*Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ*” để phù hợp với nội hàm của quy định; **(iii)** bổ sung nội dung về trách nhiệm và quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ; **(iv)** bổ sung quy định về phụ cấp tăng thêm hàng tháng đối với Cơ quan điều hành và Cơ quan tiếp nhận Hồ sơ tại địa phương nhằm tăng tính trách nhiệm cho các cơ quan này trong bối cảnh cảnh các cán bộ làm việc kiêm nhiệm.

3.2.3. Về các chính sách hỗ trợ đầu tư (Chương III)

a. Về hạng mục hỗ trợ chi phí

Dự thảo Nghị định bỏ quy định hạng mục hỗ trợ chi phí đầu tư tạo tài sản cố

định tại khoản c Điều 16 và Điều 21 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP vì các lý do sau:

(i) Hỗ trợ chi phí đầu tư tạo tài sản cố định (TSCĐ) là hỗ trợ cho nguyên giá TSCĐ đầu tư tăng thêm trong năm. Theo nguyên tắc kế toán, TSCĐ sau khi đầu tư sẽ được tính khấu hao hàng tháng, khi tính khấu hao nguyên giá TSCĐ sẽ được tính dần vào chi phí khấu hao. Trong chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, chi phí nghiên cứu và phát triển và chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao đều đã bao gồm chi phí khấu hao của từng hạng mục. Do đó, việc hỗ trợ đầu tư tạo TSCĐ sẽ trùng với các hạng mục chi phí khác.

(ii) Theo Nghị định số 182/2024/NĐ-CP, TSCĐ tăng thêm phải cam kết sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, ứng dụng công nghệ cao của doanh nghiệp, không được bán, chuyển nhượng trong thời hạn ít nhất 03 năm. Tuy nhiên, trên thực tế doanh nghiệp có nhiều TSCĐ không sử dụng đến 3 năm và các Công ty trong cùng tập đoàn thường có các hoạt động điều chuyển thiết bị trong nội bộ tập đoàn, do đó việc thực hiện hỗ trợ từ Quỹ tiềm ẩn rủi ro và không hiệu quả nếu Công ty không thực hiện đúng cam kết;

(iii) Tài sản cố định của các doanh nghiệp công nghệ cao có thể hình thành từ quỹ khấu hao hoặc vốn đầu tư mở rộng dự án. Mục đích của chính sách hỗ trợ hạng mục này là khuyến khích các Tập đoàn đa quốc gia đầu tư mở rộng tại Việt Nam. Tuy nhiên, trong quá trình rà soát hồ sơ hỗ trợ chi phí của các doanh nghiệp năm 2025 cho thấy phần lớn các doanh nghiệp sử dụng quỹ khấu hao để đầu tư tài sản cố định tăng thêm thay vì đầu tư mới; điều này chưa phù hợp với định hướng chính sách hỗ trợ của nhà nước.

Do đó, Ban soạn thảo đề xuất bỏ hạng mục hỗ trợ chi phí này tại dự thảo Nghị định thay thế.

b. Đối tượng áp dụng hỗ trợ chi phí

Đối tượng áp dụng hỗ trợ chi phí tại khoản 2 Điều 17 dự thảo Nghị định được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với đối tượng được quy định tại Điều 15 Luật Công nghệ cao số năm 2025, gồm:

- Doanh nghiệp công nghệ cao (CNC) nhóm 1;
- Doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2;
- Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao;
- Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư trung tâm R&D công nghệ chiến lược (CNCL);
- Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư trung tâm R&D công nghệ cao.

Ngoài ra, Luật Công nghệ cao năm 2025 chỉ có quy định về doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, không quy định về doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao. Do đó, dự thảo Nghị định đã bỏ quy định tại Điều 17 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP về “dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao”.

c. Tiêu chí và điều kiện hỗ trợ chi phí

Trên cơ sở đối tượng áp dụng hỗ trợ chi phí nêu trên, khoản 1 Điều 18 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định về tiêu chí và điều kiện hỗ trợ chi phí như sau: **(i)** Doanh nghiệp CNC nhóm 1, doanh nghiệp CNC nhóm 2, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm CNC có dự án đầu tư với quy mô vốn tối thiểu 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu của dự án tối thiểu 20.000 tỷ đồng/năm; **(ii)** Doanh nghiệp CNC nhóm 1, doanh nghiệp CNC nhóm 2, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm CNC trong lĩnh vực công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn có quy mô vốn tối thiểu 6.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu của dự án tối thiểu 10.000 tỷ đồng/năm; **(iii)** dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược, doanh nghiệp thực hiện dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 3.000 tỷ đồng.

d. Về các mức hỗ trợ chi phí

- Các mức hỗ trợ chi phí cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định số 182/2024/NĐ-CP; ngoài ra Ban soạn thảo rà soát, sửa đổi, bổ sung các mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 20 và khoản 1 Điều 21 để phù hợp với các đối tượng và điều kiện của doanh nghiệp theo quy định tại Luật Công nghệ cao năm 2025 và thực tiễn triển khai thực hiện, đảm bảo chính sách khuyến khích đủ mạnh để các doanh nghiệp đầu tư vào các công nghệ chiến lược và phù hợp với khả năng bố trí ngân sách nhà nước, cụ thể:

(i) Về hỗ trợ chi phí nghiên cứu và phát triển: doanh nghiệp CNC nhóm 1, trung tâm R&D công nghệ chiến lược, trung tâm R&D công nghệ cao được hỗ trợ theo mức lũy tiến từng phần áp dụng cho từng đối tượng theo tỷ lệ hỗ trợ 20%, 25%, 30%; doanh nghiệp CNC nhóm 2 được hỗ trợ theo mức lũy tiến từng phần áp dụng cho từng đối tượng theo tỷ lệ hỗ trợ 10%, 15%, 20%; doanh nghiệp sản xuất sản phẩm CNC được hỗ trợ theo mức lũy tiến từng phần áp dụng cho từng đối tượng theo tỷ lệ hỗ trợ 1%, 5%, 10%;

(ii) Về hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao: Doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 1; doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2 đáp ứng doanh thu tối thiểu 200.000 tỷ đồng, nhân lực đạt tối thiểu 10.000 người hoặc có tối thiểu 1.000 kỹ sư và tỷ lệ giá trị sản xuất gia tăng tối thiểu 30%; doanh nghiệp nhóm 2 sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp chip, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn được hỗ trợ tối đa 2%; doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2 được hỗ trợ tối đa 1%; doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao được hỗ trợ tối đa 0,5% giá trị sản xuất gia tăng của sản phẩm công nghệ cao trong năm tài chính.

- Cách tính giá trị sản xuất gia tăng và tỷ lệ giá trị sản xuất gia tăng của sản phẩm công nghệ cao được kết cấu lại từ Điều 2 (Giải thích từ ngữ) Nghị định 182/2024/NĐ-CP thành khoản 2, 3 Điều 21 dự thảo Nghị định để phù hợp với nội hàm của Điều 21. Trong đó, cách tính giá trị sản xuất gia tăng của sản phẩm công

nghe cao được sửa đổi để tránh trùng lặp với các chi phí đã được hỗ trợ tại các hạng mục khác, cụ thể: *Giá trị sản xuất gia tăng của sản phẩm công nghệ cao được được xác định bằng giá vốn của toàn bộ sản phẩm công nghệ cao bán ra (không bao gồm phí bản quyền, phí chuyển giao công nghệ phải trả cho bên nước ngoài) trừ đi: (1) Trị giá nguyên vật liệu đầu vào nhập khẩu từ nước ngoài (không bao gồm trị giá nguyên vật liệu đầu vào do doanh nghiệp chế xuất hoặc tổ chức, doanh nghiệp khác được áp dụng quy định về khu phi thuế quan theo pháp luật về thuế xuất khẩu, nhập khẩu sản xuất và cung cấp); (2) chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực được tính vào giá vốn; (3) chi phí nghiên cứu và phát triển được tính vào giá vốn trong năm tài chính xác định theo sổ kế toán và báo cáo tài chính đã được kiểm toán.*

- Ngoài ra, trên cơ sở tiếp thu ý kiến các địa phương trong quá trình đánh giá hồ sơ đề xuất hỗ trợ chi phí của doanh nghiệp, nhằm đảm bảo các cơ quan tổ chức kiểm toán có cơ sở đánh giá đầy đủ các chi phí phát sinh của doanh nghiệp, tránh nội hàm rộng dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau, dự thảo Nghị định đã bổ sung chi tiết hơn các cấu phần chi phí của hạng mục chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; chi phí R&D; đồng thời rà soát các hạng mục chi phí trùng lặp tại khoản 2 Điều 19 và khoản 3 Điều 20 Nghị định 182/2024/NĐ-CP.

3.2.4. Về hồ sơ, trình tự và thủ tục đánh giá hỗ trợ chi phí (Chương IV)

Dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ (Điều 27) gồm các văn bản xác nhận các đối tượng đề nghị hỗ trợ chi phí, văn bản kiểm tra hàng năm phù hợp với pháp luật về công nghệ cao. Ngoài ra, dự thảo Nghị định đã rà soát trình tự, thủ tục hỗ trợ đầu tư (Điều 29) để phù hợp với thực tiễn triển khai theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều chỉnh thời gian lấy ý kiến giữa các cơ quan.

3.2.5. Về quản lý tài chính và giám sát (Chương V)

Dự thảo Nghị định đã rà soát và quy định tại Điều 36 về quy trình lập kế hoạch tài chính và dự toán ngân sách của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Ngoài ra, khoản 4 Điều 36 đã bổ sung căn cứ xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước của năm 2027 và các năm tiếp theo trên cơ sở đề nghị hỗ trợ chi phí tiền điện theo quy định tại Nghị quyết số 01/2026/NQ-CP ngày 18/8/2026 của Chính phủ. Quy trình thực hiện hỗ trợ chi phí (Điều 37) được rà soát, sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định mới hiện hành và thực tiễn triển khai trong một năm qua.

3.2.6. Về điều khoản thi hành (Chương VI)

a) Hiệu lực thi hành

- Luật Công nghệ cao và các văn bản hướng dẫn bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/7/2026. Việc xác định đối tượng áp dụng hỗ trợ chi phí quy định tại khoản 2 Điều 17 dự thảo Nghị định được thực hiện theo quy định pháp luật về công nghệ cao. Căn cứ quy định nêu trên và quy trình đề nghị hỗ trợ chi phí tại dự thảo Nghị định, Ban soạn thảo dự kiến dự thảo Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2027, áp dụng từ năm tài chính 2026.

- Đối với Điều 36 dự thảo Nghị định quy định về việc lập kế hoạch tài chính và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Quỹ có hiệu lực kể từ ngày ký do: theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, các cơ quan phải gửi Bộ Tài chính tổng hợp trước ngày 10/7 hàng năm, theo đó để Quỹ được giao chi tiết nhiệm vụ chi năm 2027 thì Quỹ cần tổng hợp gửi Bộ Tài chính trước ngày 10/7/2026 để kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí dự toán theo quy định.

b) Về quy định chuyển tiếp

Dự thảo Nghị định bổ sung thêm Điều 42 về quy định chuyển tiếp, nội dung này áp dụng với các đối tượng và hồ sơ đang được xử lý theo Nghị định số 182/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí năm tài chính 2024 và năm tài chính 2025 đang thực hiện theo quy định tại Nghị định số 182/2024/NĐ-CP thì Quỹ tiếp tục thực hiện theo quy định của Nghị định số 182/2024/NĐ-CP.

- Đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là doanh nghiệp công nghệ cao còn thời hạn sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được áp dụng quy định hỗ trợ chi phí tương tự như doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2. Lý do: Theo Luật CNC 2025, doanh nghiệp CNC được quy định thành doanh nghiệp CNC nhóm 1 và doanh nghiệp CNC nhóm 2, không còn quy định đối tượng doanh nghiệp CNC, tuy nhiên Luật CNC 2025 có quy định chuyển tiếp với đối tượng này với mức ưu đãi tương đương doanh nghiệp CNC nhóm 2.

- Đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 còn thời hạn sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được áp dụng quy định hỗ trợ chi phí tương tự như doanh nghiệp CNC nhóm 2, trừ hạng mục hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao. Lý do: (i) Luật CNC 2025 không còn quy định về dự án ứng dụng công nghệ cao, tuy nhiên vẫn có quy định chuyển tiếp về đối tượng này; (ii) kế thừa Nghị định số 182/2024/NĐ-CP, đảm bảo ổn định chính sách ưu đãi của Việt Nam; (iii) Không có thủ tục xác nhận sản phẩm được sản xuất bởi doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao là sản phẩm công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, do đó không có cơ sở để hỗ trợ hạng mục chi phí này cho doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao.

c) Trách nhiệm của bộ, ngành trung ương và cơ quan địa phương (Điều 42)

Dự thảo Nghị định cơ bản kế thừa Điều 43 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP về trách nhiệm của bộ, ngành trung ương và cơ quan địa phương đồng thời có sửa đổi, bổ sung để phù hợp với cơ cấu, chức năng nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức sau khi sắp xếp lại và đồng bộ quy định của pháp luật về công nghệ cao.

3.2.6. Một số nội dung khác

Dự thảo Nghị định đã rà soát và sửa đổi các nội dung liên quan đến: **(i)** giải thích từ ngữ tại Điều 3; **(ii)** hoàn trả hỗ trợ chi phí, mức xử phạt, quy trình hoàn trả tại khoản 1, 2, 7 Điều 4; **(iii)** quy định về mở tài khoản của Quỹ tại khoản 3 Điều 7; **(iv)** nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ tại khoản 2, 3 Điều 8; **(v)** bổ sung đối tượng trung tâm R&D CNCL và trung tâm R&D CNC được hỗ trợ chi phí đầu tư ban đầu tại Điều 23; **(vi)** rà soát nguyên tắc xét duyệt đề nghị hỗ trợ chi phí tại Điều 26 để không trùng lặp với quy trình chi hỗ trợ; **(vii)** rà soát hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí tại Điều 27; **(viii)** rà soát quy trình, thủ tục đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí tại Điều 29 theo hướng điều chỉnh thời hạn tiếp nhận và xử lý hồ sơ sớm hơn so với quy định tại Nghị định số 182/2024/NĐ-CP; **(ix)** bổ sung quy định về kinh phí thuê tư vấn trợ đánh giá Hồ sơ thực hiện thủ tục hỗ trợ chi phí tại Điều 31; **(x)** bổ sung quy định về quy trình, định mức chi hoạt động quản lý Quỹ tại Điều 35; **(xi)** sửa đổi quy trình thực hiện hỗ trợ chi phí tại Điều 37; **(xii)** sửa đổi quy định tài khoản của Quỹ mở tại ngân hàng thương mại tại khoản 2 Điều 38; **(xiii)** sửa đổi nguyên tắc quản lý tài chính, chế độ kế toán, quyết toán và chế độ báo cáo tài chính của Quỹ tại Điều 40.

3.3. Những nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Về thủ tục hành chính đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí (Điều 27 và Điều 29) và thủ tục hành chính đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí đầu tư ban đầu (Điều 32): Dự thảo Nghị định tiếp tục kế thừa Nghị định số 182/2024/NĐ-CP nội dung về hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí, trình tự, thủ tục hỗ trợ chi phí. Tuy nhiên, để đơn giản hoá thủ tục hành chính, tiết kiệm chi phí tuân thủ, dự thảo Nghị định đã cắt giảm số lượng bộ hồ sơ mà doanh nghiệp cần nộp từ 08 bộ xuống 02 bộ, trong đó: 01 bộ nộp cơ quan tiếp nhận hồ sơ, 01 bộ nộp Cơ quan điều hành Quỹ. Đồng thời, dự thảo Nghị định cũng quy định việc số hoá hồ sơ của doanh nghiệp thành bản điện tử để tạo lập môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và cơ quan có thẩm quyền trong việc xử lý hồ sơ.

3.4. Những nội dung phân cấp, phân quyền

Các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định vẫn đảm bảo các nội dung phân cấp, phân quyền cho địa phương thực hiện đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH GỬI THẨM ĐỊNH BỘ TƯ PHÁP (nếu có)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Về dự kiến nguồn lực

Sau khi Nghị định được Chính phủ ban hành, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh có trách nhiệm thực thi, không phát sinh thêm bộ máy, biên chế trong tổ chức thi hành Nghị định, không có tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới.

2. Về thời gian trình và thông qua Nghị định: Dự kiến Nghị định được trình Chính phủ vào Quý II năm 2026.

VIII. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN (nếu có)

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư.

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Tài liệu kèm theo Tờ trình gồm: (i) Dự thảo Nghị định; (ii) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (iii) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (iv) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến về dự thảo Nghị định; (v) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; (vi) Bản rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Nguyễn Văn Thắng (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, CT(b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Bích Ngọc